

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2020/DSST.**

Ngày: 10/8/2020.

V/v: *Tranh chấp về nợ hui và hợp đồng*

Dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

2. Bà Phạm Thị Ngọc Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2020/TLST - DS ngày 03/3/2020; về việc “Tranh chấp về nợ hui và hợp đồng dân sự vay tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐST – DS, ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn 6, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Ng, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn 7, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

-Bà Đinh Thị L, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn 7, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 6, xã M, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc P – Luật sư thuộc Văn P luật sư Quốc P – Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Thể hiện tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa - Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng N có tham gia chơi hụi do ông Ng làm chủ. Do thời gian đã lâu nên bà N không xác định được đã tham gia chơi bao nhiêu chân hụi và số tiền bao nhiêu. Bà N xác định, ông Ng, bà L còn nợ vợ chồng bà N số tiền nợ hụi là 215.000.000đ.

Ngoài ra, vào ngày 22/02/2019 ông Trần Văn Ng vay của bà N số tiền 100.000.000đ. Các bên không thỏa thuận lãi suất; thỏa thuận thời hạn đến ngày 22/12/2019 ông Ng có trách nhiệm phải trả lại số tiền 100.000.000đ. Tuy nhiên, khi đến thời hạn bà N nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay ông Ng vẫn chưa trả số tiền này cho vợ chồng bà N.

Bà N xác định số tiền này là nợ chung của vợ chồng ông Ng, bà L. Cho nên, bà N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Ng, bà L phải trả tổng số tiền là 315.000.000đ. Trong đó, số tiền nợ hụi là 215.000.000đ; tiền nợ vay là 100.000.000đ.

[2] Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án ông Trần Văn Ng trình bày như sau: Ông Ng thừa nhận còn nợ bà N tiền hụi là 215.000.000đ và tiền vay 100.000.000đ. Ông thừa nhận các chứng cứ mà bà N cung cấp là đúng sự thật. Thế nhưng, ông Ng cho rằng đây là nợ riêng; không phải nợ chung của vợ chồng ông Ng. Do đó, bà L không có trách nhiệm trả nợ cho bà N.

[3] Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án ông Trần Văn Ng Bà Đình Thị L trình bày:

Bà Đình Thị L không biết gì liên quan đến số tiền nợ giữa ông Ng và bà N. Bà Đình Thị L xác định đây là khoản nợ riêng của ông Ng nên bà L không chấp nhận trả nợ cho bà N.

[4] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Đ trình bày:

Ông Đ thống nhất với phần trình bày của bà N. Ông Đ đề nghị vợ chồng ông Ng, bà L phải trả tổng số tiền là 315.000.000đ. Trong đó, tiền nợ hụi là 215.000.000đ và tiền vay là 100.000.000đ. Ông Đ không yêu cầu tính lãi.

[4]. Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Hồng N cung cấp: 01 sổ hộ khẩu (photo); 01 giấy chứng minh nhân dân (photo); 01 giấy chồng huê theo; 01 giấy mượn tiền.
- Ông Trần Văn Ng, bà Đình Thị L cung cấp: 02 chứng minh nhân dân (photo).
- Tòa án tiến hành lấy lời khai của các đương sự; xác minh tại địa phương về những vấn đề liên quan đến vụ án.

[5] Các vấn đề đương sự thống nhất.

Bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu vợ chồng ông Ng, bà L phải trả lại tổng số tiền nợ là 315.000.000đ. Ông Trần Văn Ng thừa nhận còn nợ bà N số tiền 315.000.000đ.

[6] Các vấn đề đương sự không thống nhất.

Bà Nguyễn Thị Hồng N xác định số tiền 315.000.000đ là nợ chung của vợ chồng ông Ng, bà L. Ông Ng, bà L cho rằng đây là khoản tiền nợ riêng của ông Ng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến tranh luận:

Căn cứ vào chứng cứ của nguyên đơn cung cấp và ông Ng thừa nhận còn nợ bà N tổng số tiền là 315.000.000đ. Do đó, có đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ. Do khoản tiền này phát sinh trong thời gian ông Ng, bà L có mối quan hệ vợ chồng với nhau. Cho nên, đây là nợ chung của ông Ng, bà L. Do đó, cần buộc vợ chồng ông Ng, bà L có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà N số tiền 315.000.000đ.

Trong phần tranh luận, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS. Ông Trần Văn Ng và bà Đinh Thị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203, 227, 228 BLTTDS năm 2015.

- Điều 463, 466, 468, 471 BLDS năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn Ng, bà Đinh Thị L phải liên đới trả số tiền 315.000.000đ (trong đó, tiền nợ vay là 100.000.000đ và tiền hụi là 215.000.000đ) cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Đình Đ.

Về án phí: Miễn án phí cho ông Trần Văn Ng. Bà Đinh Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà N tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - ông Trần Văn Ng, bà Đinh Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông Ng và bà L đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xem xét, xét xử vắng mặt các bị đơn. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn Ng, bà Đinh Thị L phải trả số tiền nợ hui là 215.000.000đ và tiền nợ vay là 100.000.000đ. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu gì khác. Do đó, HĐXX xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp về nợ hui và tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng N:

- *Về số tiền nợ vay:*

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hồng N căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 22/2/2019 để khởi kiện yêu cầu buộc ông Trần Văn Ng, bà Đinh Thị L phải trả lại số tiền nợ vay là 100.000.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 11/5/2020 ông Trần Văn Ng xác định còn nợ bà N số tiền nợ vay là 100.000.000đ. Ông Ng thừa nhận giấy mượn tiền do bà N cung cấp cho Tòa án có trong hồ sơ vụ án là đúng với thực tế.

Căn cứ vào quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không cần phải chứng minh. Cho nên, Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của bà N về số tiền nợ vay là 100.000.000đ có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 BLDS năm 2015.

- *Về số tiền nợ hui:*

Bà Nguyễn Thị Hồng N căn cứ vào giấy chồng huê theo ngày 25/5/2019 để xác định ông Ng còn nợ tiền hui là 120.000.000đ. Ngoài ra, bà N còn tham gia chơi một số chân hui khác do ông Ng làm chủ. Sau khi tính toán tất cả các chân hui thì bà N xác định ông Ng, bà L còn nợ tiền hui là 215.000.000đ. Tuy nhiên, do khi tham gia chơi hui các bên không viết giấy tờ gì với nhau và thời gian đã lâu nên bà N không xác định được đã tham gia chơi chân hui nào; số tiền bao nhiêu. Bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông Ng, bà L còn nợ tiền hui là 215.000.000đ.

Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải, biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2020 ông Trần Văn Ng xác định còn nợ tiền hui của bà N là 215.000.000đ. Do đó, yêu cầu của bà N là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 471 BLDS năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án ông Trần Văn Ng, bà Đinh Thị L đều xác định số tiền nợ của bà Nguyễn Thị Hồng N là nợ riêng của ông Ng. Cho nên, bà L không có trách nhiệm liên đới cùng ông Ng trả tiền nợ cho vợ chồng bà N. Thế nhưng, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 24/7/2020 xác định: Trong thời gian ông Ng, bà L còn sống tại địa phương có nghề nghiệp là làm chủ hui và cho vay tiền. Ngoài ra, ông Ng và bà L không còn nghề nghiệp gì khác. Tại

phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hồng N xác định: Trong thời gian đóng hui thì bà L cũng là người trực tiếp thu tiền hui từ bà N. Khi đến hạn trả tiền vay, bà N nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Ng, bà L phải trả số tiền này. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy: Số tiền nợ này phát sinh trong thời gian ông Ng và bà L còn mối quan hệ vợ chồng với nhau. Cho nên, có đủ căn cứ xác định số tiền nợ của bà N là nợ chung của vợ chồng ông Ng, bà L là phù hợp với quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Cho nên, cần buộc vợ chồng ông Trần Văn Ng, bà Đinh Thị L phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Đình Đ tổng số tiền là 315.000.000đ. Trong đó, tiền nợ hui là 215.000.000đ; tiền nợ vay là 100.000.000đ.

[4] *Về lãi suất*: Bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Đình Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc vợ chồng ông Trần Văn Ng, bà Đinh Thị L phải liên đới nộp án phí DS/ST; trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho bà N là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuy nhiên, do ông Trần Văn Ng, sinh năm 1955 theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi thì ông Ng là người cao tuổi. Căn cứ vào quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 thì ông Ng thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí nên ông Ng không phải nộp án phí DS/ST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466, 471 và khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;
- Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N:

Buộc ông Trần Văn Ng, bà Đinh Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Đình Đ tổng số tiền 315.000.000đ (Ba trăm mười lăm triệu đồng). Trong đó tiền nợ hui là 215.000.000đ; tiền nợ vay là 100.000.000đ.

Chia phần:

Ông Trần Văn Ng phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Đình Đ số tiền: 157.500.000đ (một trăm, năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng)

Bà Đình Thị L phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng N, ông Nguyễn Đình Đ số tiền: 157.500.000đ (một trăm, năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (ông Ng, bà L) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không thỏa thuận được về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Buộc bà Đình Thị L phải số tiền án phí 7.875.000đ dân sự sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Hồng N số tiền 7.875.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N0 003347, ngày 03/3/2020 (5.375.000đ) và biên lai số No 003348, ngày 03/3/2020 (2.500.000đ) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 10/8/2020. Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự.....;
- Chi cục Thi hành án DS H.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn P.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yên